TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 03/2023/HNGĐ - ST
Ngày 13/01/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Cự và bà Nguyễn Thị Vĩnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thể - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số 182/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp về hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1973;

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1970;

Đều ở địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 13/7/2022 và trong quá trình tố tụng chị Bùi Thị T trình bày:

Chị T và anh T kết hôn do tự tìm hiểu có đăng kí kết hôn tại UBND xã B vào ngày 18/11/1994. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi vợ chồng làm nhà kinh tế khó khăn, công nợ còn nhiều chị T đi làm ở công ty, phải cố gắng làm thêm giờ, tăng ca để lấy tiền trả nợ. Anh T không hiểu chị không biết chia sẻ động viên chị mỗi khi chị đi làm về muộn thì anh T lại khó chịu nghi ngờ chị một cách vô cớ, anh uống rượu sau đó chửi bới, đe dọa và đánh đập chị. Chị T đã giải thích nhưng anh T không nghe, anh T bị ốm, chị không đi làm chị phải đi vay tiền cho anh chữa bệnh, khuyên anh đi khám bệnh thì anh T lại cho rằng chị chỉ mong anh đi viện. Do anh T không từ bỏ được rượu dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nhiều lần chị T phải nhờ chính quyền và đoàn thể đến hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Có lần vợ chồng mâu thuẫn, anh T còn cầm dao đe dọa chị, đã nhiều lần chị phải bỏ đi nhưng vì các con chị phải cố gắng chịu đựng. Đến tháng 7/2021 cũng chỉ vì việc chị đi làm về muộn

anh T uống rượu sau đó chửi bới đánh đập chị, xé quần áo của chị nên chị phải bỏ sang hàng xóm ngủ nhờ, sau đó chị đã sang Nam Định ở với con trai trông cháu cho con từ đó đến nay.

Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống được với anh T vì anh T không bỏ được rượu nếu chung sống cùng anh thì sẽ ảnh hưởng đến tính mạng của chị. Do vậy chị T nhất định xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là Nguyễn Đình D, sinh ngày 02/9/1995 và Nguyễn Mai A, sinh ngày 10/6/2003 các con đã trưởng thành có gia đình riêng.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Đình T trình bày: Anh T nhất trí ý kiến chị T trình bày về thời gian điều kiện kết hôn quá trình chung sống và mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh nghi ngờ chị T không chung thủy, do chị T đi làm công ty nhiều khi đến 9 -10 giờ tối mới về, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, những lúc anh bực tức nghi ngờ vợ anh có bức xúc chửi bới, và đánh chị T nhưng anh chỉ tát chị T, cũng có lần vợ chồng xô xát, anh có cầm dao đe dọa chị T. Thời gian vợ chồng chung sống đã hai lần chị T bỏ đi khỏi nhà, lần cuối vào tháng 7/2021, chị T bỏ đi và không về chung sống với anh, anh biết chị T đi trông cháu nội ở bên Nam Định nhưng anh cũng không tìm vì chị T tự bỏ đi thì tự về. Anh vẫn mong muốn chị T về nhưng bảo anh bỏ rượu thì anh không bỏ được. Anh mong muốn Tòa án hòa giải giúp vợ chồng anh đoàn tụ. Nếu chị T cố tình ly hôn thì Tòa án cứ giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đúng như chị T trình bày. Các con đã trưởng thành đều đã có gia đình riêng không phải nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản. Vợ chồng anh không có nợ chung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án đúng quy định của pháp luậtviệc chấp hành pháp luật của chị T, anh T đã tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị được ly hôn anh T. Về con chung.Các con chung của chị T, anh T đã trưởng thành nên không phải giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn.Nguyên nhân một phần do anh T hay uống rượu, một phần do anh nghi ngờ chị T không chung thủy, dẫn đến vợ chồng xô xát, mỗi khi anh T uống rượu anh lại chửi mắng, đánh đập chị T .Chị T đã nhiều lần góp ý nhưng anh T không từ bỏ được rượu. Tháng ngày 7/2021 chị T chán nản đã bỏ sang chung sống cùng con trai ở thành phố Nam Định,từ đó vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định không thể tiếp tục chung sống với anh T. Chị T nhất định xin được ly hôn anh T.

Anh T cho rằng anh còn tình cảm với chị T, anh không bỏ vợ, anh muốn chị T rút đơn về đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận nguyện vọng của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là, Nguyễn Đình D, sinh ngày 02/9/1995 và Nguyễn Mai A, sinh ngày 10/6/2003 các con đã trưởng thành có gia đình riêng nên không phải nuôi dưỡng.

[3]Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vàokhoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 35, Điều 146, Điều 147Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án, lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2/ Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí:

Chị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003025 ngày 08/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí .

5/Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 13/01/2023.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng;
- UBND xã H; huyện Đ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Hà Thị Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**